

Án số: 07/2018/HNGĐ- ST

Ngày 05/02/2018

V/v *Tranh chấp HNGĐ*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Văn Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Trương Đức Lâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án

Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05/05/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/12/2017 về việc tranh chấp “hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST- HNGĐ ngày 01/01/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: thôn Khánh, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Trú tại: thôn Khánh, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh T ngày 06/12/2008 có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh T làm dâu ngay, hai vợ chồng ở chung với gia đình gia đình nhà chồng tám tháng thì ở riêng. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, cờ bạc, mải mê rượu chè khi về trong tình trạng không tỉnh táo nên thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm chị. Khi vợ chồng nói chuyện không ôn hòa lại dờ dỗi rồi đánh đập chị nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Ngày 02/02/2017 chị và anh T sống ly thân, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung chị T trình bày: Chị T và anh T có hai con chung là Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/4/2012.

Ly hôn chị T xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản, công sức, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T kết hôn với chị T ngày 06/12/2008, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong. Cưới xong chị T về nhà anh làm dâu ngay, hai vợ chồng ở riêng nhưng vẫn chung đất chung nhà với bộ mẹ anh T. Tình cảm hai vợ chồng hạnh phúc, khoảng tháng 3 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, tháng 3/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị T bỏ đi anh T và gia đình anh đã đến gọi nhiều lần nhưng chị T không về. Từ đó tới nay anh và chị T sống ly thân, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung anh T trình bày: Anh T và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/4/2012. Ly hôn anh T xin được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010, để chị T nuôi cháu Nguyễn Hoàng Long.

Về tài sản, công sức, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn T đúng quy định của pháp luật, riêng anh Tuyến chấp hành không đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, điều 227, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung giao cho chị T uôi cháu Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010; anh T nuôi cháu Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/4/2012. Phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1, Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 24/11/2017 của chị Nguyễn Thị T đây được xác định là quan hệ tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh T vắng mặt nhưng Tòa án đã niêm yết hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2, Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh T ngày 06/12/2008 có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong như vậy được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh T làm dâu ngay, hai vợ chồng ở chung với gia đình nhà chồng được 8 tháng thì ở riêng. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chơi bời không quan tâm đến gia đình. Do vợ chồng mâu thuẫn nên tháng 02/2017 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó tới nay hai vợ chồng sống ly thân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T đồng ý; HĐXX thấy việc thuận tình ly hôn của chị T và anh Tiến là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù anh T và chị T thuận tình ly hôn nhưng do anh T vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T.

3, Về con chung: Chị T và anh T đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010 và Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/4/2012. Ly hôn chị T xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con, anh Tuyên xin được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Long.

Xét yêu cầu nuôi con của chị T và anh T HĐXX thấy: Chị T và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi con, xong quá trình làm việc với cháu Nguyễn Hoàng Nhất là con của chị T và anh T cháu có nguyện vọng được ở với chị T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nhất HĐXX thấy cần giao chị T nuôi cháu Nhất.

4, Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1, Áp dụng: Điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, điều, 147; **điều 227**, điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2, Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi cháu Nguyễn Hoàng Nhất, sinh ngày 26/4/2010 anh T nuôi cháu Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 05/4/2012. Phí tổn nuôi con không đặt gia giải quyết, chị T và anh T được đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3, Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001927 ngày 13/12/2017 của Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- THADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã **Lương Phong**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Giáp Văn Huyền